

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA GIÁ ĐẤT										
TT	Xã/Phường	Kết quả điều tra đất ở								
		Cao nhất				Thấp nhất				Mức biến động bình quân (%)
		Mức biến động cao nhất (%)	Vị trí/tuyến đường	Giá đất trong bảng giá đất hiện hành (1.000 đồng/m²)	Giá đất thị trường khảo sát (1.000 đồng/m²)	Mức biến động thấp nhất (%)	Vị trí/tuyến đường	Giá đất trong bảng giá đất hiện hành (1.000 đồng/m²)	Giá đất thị trường khảo sát (1.000 đồng/m²)	
1	Phường Phong Châu	217,46	Đường tỉnh 315B: Đoạn từ Giao đường rẽ vào chùa Cây Thị đến Đến hết địa giới phường Phong châu (giáp phường Phú Thọ)	6.300	20.000	25,00	Các tuyến đường khác: Đoạn từ Nhà văn hóa khu Phú Hưng đến ĐT 325B đoạn đường qua công an Phường Phong châu	7.200	9.000	129,59
2	Phường Thanh Miếu	166,67	Phố Lương Khánh Thiện: Đoạn từ Đường Nguyễn Tất Thành đến Hết đường	15.000	40.000	33,33	Phố Hoa Long: Đoạn từ Đường Hùng Vương (Cây xăng của Công ty Licogi) đến Đường Lạc Long Quân	15.000	20.000	62,41
3	Phường Việt Trì	85,71	Đất đồi Quế	7.000	13.000	21,43	Phố Hàm Nghi	28.000	34.000	57,78
4	Phường Âu Cơ	138,10	Đường Bạch Đằng	21.000	50.000	25,00	Đất hai bên mặt tiền các tuyến đường liên khu, phường còn lại	850	2.000	97,12
5	Phường Phú Thọ	265,22	Đường Hùng Vương (Quốc lộ 2D) đoạn từ Giáp phường Phong Châu đến Khu hạ tầng kỹ thuật dịch vụ ven đường 35m	24.000	28.000	13,13	Vị trí còn lại	850	1.400	53,35

6	Phường Vân Phú	166,67	Đường Nguyễn Tất Thành	35.000	50.000	25,00	Đường trục chính từ Nhà ông Hà Cẩm khu 2, ngõ từ nhà ông Quế Hường (khu 1) đến Giáp đường tỉnh 331 đê hữu sông Lô	2.400	4.000	50,88
7	Phường Nông Trang	100,00	Đường Hùng Vương đoạn từ Đường Quang Trung đến Đường Nguyễn Du (ngã tư Dệt)	80.000	130.000	17,86	Vị trí còn lại	3.000	6.000	56,47
8	Xã Tam Nông	445,45	Đoạn từ Nút giao QL32 (đầu cầu Trung Hà 2 bên đường gom) đến Bến phà cũ khu 12	2.200	12.000	25,00	Đầu giá khu 3, khu 4	8.000	10.000	123,39
9	Xã Long Cốc	200,00	Đoạn từ Ngã tư Mãng 2 đến Giáp ĐGHHC xã Văn Miếu	1.000	3.000	53,85	Đoạn từ Đường rẽ trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu Học và Trung Học đến Giáp ĐGHHC xã Xuân Đài	260	400	98,48
10	Xã Lai Đồng	300,00	Đoạn từ Ngã tư nhà ông Sơn đến Ngã ba Bưu điện	500	2.000	42,86	Vị trí còn lại	350	350	110,35
11	Xã Đồng Lương	1.400,00	Khu Tái Định Cư Yên Dường	200	3.000	25,00	Từ cổng 3 cửa đến hết cây đa (giáp đất nhà ông Thân Phú	8.800	11.000	118,68
12	Xã Bản Nguyên	360,00	Đoạn từ Giáp địa phận xã Tứ Xã đến Chân đê sông Hồng (chợ Cống Á)	2.500	11.500	33,33	Đoạn từ Sân vận động Cao Xá đến Chân đê sông Hồng (xã Cao Xá)	9.000	12.000	125,30
13	Xã Dân Chủ	300,00	Đoạn từ Ngã 3 đường tỉnh 323G đến Ngã tư huyện lộ P1	1.000	4.000	38,89	Đoạn từ Giáp công ty Now Vina đến Hết nhà bà Đường, khu 7	1.800	2.500	60,92

14	Xã Cẩm Khê	400,00	Đoạn từ Ngã 3 nhà Thắng Yên đến Gầm cầu chui cao tốc	8.000	40.000	25,00	Đoạn từ Ngõ từ nhà ông Thùy Hòa đến Nhà ông Huấn (Hương) (Đầu giá Vực Cầu)	12.000	15.000	67,19
15	Xã Lâm Thao	288,89	Đoạn từ Đường Hùng Vương qua nghĩa trang liệt sĩ đến Giáp địa phận xã Phùng Nguyên	2.700	10.500	28,57	Tuyến đường thuộc khu đầu giá Đồng Rồ	7.000	9.000	117,87
16	Xã Phù Ninh	328,57	Đoạn từ Trạm biến thế khu 12 (xã Phú Lộc cũ) đến Nút giao với đường sắt cũ	700	3.000	45,35	Đoạn từ Ngân hàng Công thương Đền Hùng đến Công công ty giấy Bãi Bằng	17.200	25.000	136,83
17	Xã Trung Sơn	200,00	Đoạn từ Xóm Dừng đến Đi Sáu Khe	250	750	66,67	Đoạn từ Trần cửa khe Lạc khu Nai đến Trần Khe Cam khu Dừng	1.500	2.500	129,05
18	Xã Tu Vũ	700,00	Đất thuộc khu quy hoạch khu dân cư mới (khu vực đất đồi) không có hạ tầng	1.000	8.000	28,21	Đoạn từ Giáp nhà ông Thục (khu 4, xã Hoàng Xá cũ) đến Nhà ông Hoàn (ngã 3 chợ cũ, đường rẽ đi Trung Thịnh)	19.500	25.000	148,16
19	Xã Thượng Long	100,00	Đoạn từ Đường ĐH 97 đến Ngã ba Ao Bòng	500	1.000	28,00	Đoạn từ Lối rẽ đi nghĩa trang Ba Chôm đến Cầu Trắng khu Quán, xã Thượng Long cũ	2.500	3.200	50,75
20	Xã Yên Lập	100,00	Đoạn từ Cầu Nghè đến Giáp địa giới hành chính xã Thượng Long	2.000	4.000	37,50	Đất đầu giá khu Chùa 12 (trừ các lô tiếp giáp đường Long Sơn và đường liên khu)	4.000	5.500	60,25

21	Xã Quảng Yên	233,33	Đoạn từ Ngã ba đường rẽ đi nhà văn hóa Quảng Di đến Ngã ba kết nối với đường Quảng Yên đi Quốc lộ 2	1.200	4.000	42,86	Khu đầu giá trụ sở UBND xã Quảng Nạp cũ	4.900	7.000	82,14
22	Xã Đông Thành	614,29	Khu tái định cư dự án: Trường Bản Trinh Sát - Trinh Sát đặc nhiệm của tiểu đoàn 20/BTM Quân khu 2 tại xã Võ Lao	840	6.000	66,67	Đoạn từ Đường rẽ đi mỏ sét (Xi măng Sông Thao) đến Giáp Trường THCS Đông Thành	3.600	6.000	88,36
23	Xã Liên Minh	66,67	Đoạn từ Giáp địa giới hành chính xã Chí Tiên đến Nghĩa trang Phương Nhuê	4.200	7.000	21,62	Khu đầu giá ao ông Tụy	3.700	4.500	52,40
24	Xã Hạ Hòa	70,00	Đoạn từ Ngã 3 tiếp giáp đường QL 70B (nhà ông Doanh Tính) đến Giao với đường ĐH62	1.000	1.700	50,00	Đoạn từ Nhà ông Hoan Dương đến Giao với đường Hùng Vương (QL70B)	12.000	18.000	64,31
25	Xã Văn Lang	122,22	Đoạn từ Giáp địa giới hành chính xã Bằng Giã cũ đến Cầu Lạch Đình khu 5, xã Võ Tranh cũ	3.600	8.000	20,00	Đoạn từ Tỉnh lộ 321B đến Giáp địa giới hành chính xã Văn Lang cũ	1.000	1.200	55,85
26	Xã Hiền Lương	233,33	Đoạn từ Hết tờ 6HL thửa 94, BD 299 đến Giáp tờ 6 HL thửa 174, BD 299	3.600	12.000	60,00	Vị trí còn lại	500	800	87,68
27	Xã Minh Đài	275,00	Đoạn từ Giáp Quốc lộ 32 đến Ngã ba nhà ông Tám	1.200	4.500	25,00	Vị trí còn lại	400	500	110,95
28	Xã Tây Cốc	166,67	Đoạn từ Ngã ba đi Ngọc Quan đến Ngã ba khu Bằng Tường	1.500	4.000	20,00	Đoạn từ Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân (xã Phúc Lai cũ) đến Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân (xã Bằng Luân cũ)	5.000	6.000	82,39

29	Xã Thọ Văn	455,56	Đường ĐH77 - Đoạn từ Ngã 3 Đình Dộc đến Hết địa phận địa giới xã Tam Nông	900	5.000	12,50	Đường ĐH75 - Đoạn từ Cây Đa khu 6 đến Tiếp giáp Quốc lộ 32	1.600	1.800	158,40
30	Xã Trạm Thán	218,18	Đường trục xã - Đoạn từ Giáp Quốc lộ 2 đến Nhà ông Sáu Lệ	1.100	3.500	5,71	Đầu giá khu Cầu Đen - Bảng 1 (giáp đường liên xã)	3.500	3.700	100,37
31	Xã Bình Phú	400,00	Đoạn từ Nhà ông Bạn Toàn (khu Tranh Trong, xã Bình Phú cũ) đến Giáp địa giới hành chính phường Vân Phú (xã Kim Đức cũ)	1.300	6.500	27,66	Tuyến đường thuộc khu đầu giá đất Núi Định, Núi Bà Phồng, Cây Khế	4.700	6.000	250,62
32	Xã Hoàng Cương	191,67	Đoạn từ Ngã ba giáp nhà Trung Đào đến Giáp địa giới hành chính xã Chí Tiên	1.200	3.500	38,89	Đoạn từ Quốc lộ 2D vào ga Vũ Ân đi qua UBND xã Vũ Yên cũ đến Nút giao với ĐT314C	1.800	2.500	96,50
33	Xã Đan Thượng	233,33	Đường trục chính xã - Đoạn từ Ngã 3 khu 8 Đại Phạm cũ đến Giáp địa giới hành chính xã Bằng Luân	1.200	4.000	28,21	Đường QL2D - Đoạn từ Ngã 3 đường rẽ vào Nghĩa trang Liệt sĩ Đan Thượng đến Chỉnh nhánh Ngân hàng Agribank Đan Thượng	4.500	6.500	114,28
34	Xã Vĩnh Chân	131,48	Đường trục chính - Đoạn từ Ngã 3 bà Liễu đến Cửa ngòi 2 miệng	1.080	2.500	25,00	Đường QL2D - Đoạn từ Giáp nhà ông Toàn Vinh đến Cổng Ngòi Chan	4.800	6.000	59,70
35	Xã Hùng Việt	328,57	Tái định cư dự án Cải tạo, nâng cấp, gia cố đê Ngòi Cỏ, Ngòi Me	280	1.200	61,62	Đoạn từ Nút giao QL 32C đến Giáp địa giới hành chính xã Phú Khê	4.950	8.000	126,25

36	Xã Xuân Lũng	233,33	Đoạn từ Giáp ranh địa giới hành chính xã Lâm Thao (xã Thạch Sơn cũ) đến nhà ông Thung (khu 1 xã Xuân Huy cũ)	1.500	5.000	33,33	Tuyến đường thuộc khu đấu giá Song Cầu (khu 16, xã Tiên Kiên cũ) - Vị trí 2 (Các băng còn lại)	6.000	8.000	100,37
37	Xã Yên Kỳ	200,00	Đoạn từ Cầu Bến Bưởi khu 4 Yên Kỳ đến Đền hết địa phận khu 2 xã Yên Kỳ giáp xã Tây Cốc	1.000	3.000	42,86	Đoạn từ Cây Xăng Hương Xạ đến Cầu Cáo Diên khu 14 Yên Kỳ	4.200	6.000	102,68
38	Xã Đào Xá	284,62	Đoạn từ đường tỉnh 316 (từ nhà bà Huệ Định khu 6) qua nhà ông Đình Tân khu 6 đến hết nhà ông Huệ, khu 6	1.300	5.000	26,98	Đoạn từ ngã ba đường tỉnh 316B đi Tân Phương đến hết địa phận xã Đào Xá	6.300	8.000	87,72
39	Xã Phùng Nguyên	455,56	Đoạn tiếp giáp chợ Sơn Vi	3.600	20.000	15,38	Đất khu dân cư nông thôn xã Phùng Nguyên (xã Kinh Kệ cũ) - Vị trí 1: Giáp QL32C	7.800	9.000	140,32
40	Xã Thanh Ba	100,00	Đoạn từ Ngã 3 đường rẽ vào công ty chè Phú Bền đến Ngã ba Vân Lĩnh (UBND xã cũ)	1.500	3.000	42,86	Khu dân cư tại xứ Đồng Vân, khu 7 Đồng Xuân -Băng 1 (Đất hai bên đường ĐT 314 (mới))	5.600	8.000	68,40
41	Xã Chân Mộng	100,00	Đoạn từ Giáp xã Phú Mỹ đến Ngã tư giao TL318B	2.100	4.200	48,15	Đoạn từ Đường Âu Cơ đến Tỉnh lộ 318	2.700	4.000	70,52
42	Xã Sơn Lương	471,43	Đoạn từ Khe Thừa đến Khu tái định cư Trỏ Lao	700	4.000	55,56	Đoạn từ Cầu A đến nhà ông Đoan	4.500	7.000	159,35
43	Xã Đoan Hùng	125,00	Đoạn từ Quốc lộ 70 đến kho T10	2.000	4.500	42,86	Khu đấu giá Góc Quế:	7.000	10.000	62,04

44	Xã Hy Cương	233,33	Đường Nguyễn Tất Thành Đoạn từ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đến Bãi đỗ xe số 4 đền Hùng	25.000	40.000	38,46	Đất trong khu dân cư còn lại	2.000	3.000	61,07
45	Xã Thu Cúc	100,00	Đoạn từ Ngã ba Thu Cúc đến Hết đất nhà ông Nhiều	3.000	4.800	40,00	Vị trí còn lại	200	300	61,09
46	Xã Phú Khê	400,00	Đoạn từ Giáp địa giới hành chính xã Cẩm Khê (TT Cẩm Khê cũ) đến Hết địa phận xã Phú Khê cũ	67.000	11.500	50,00	Khu tái định cư xã Tạ Xá	200	1.000	75,68
47	Xã Tiên Lương	100,00	Đoạn từ Giáp địa giới hành chính xã Cẩm Khê đến Giáp địa giới hành chính xã Văn Lang (cầu Ngòi Giành)	8.700	15.000	25,00	Vị trí còn lại	500	1.000	21,49
48	Xã Vân Bán	144,44	Đường liên xã Đoạn từ Giáp địa giới hành chính xã Cẩm Khê (xã Cấp Dẫn cũ) đến Hết trung tâm Y tế xã Tùng Khê cũ	5.800	10.000	50,00	Vị trí còn lại	430	600	62,15
49	Xã Xuân Đài	400,00	Đoạn từ Hết Trần Suối Đìa đến Hết cầu Đồng Cá	5.000	7.000	40,00	Đoạn từ Trạm bảo vệ rừng Đồng Tào đến Ngã 3 vào xóm Lạng xã Xuân Sơn cũ	250	500	107,26
50	Xã Võ Miếu	400,00	Đoạn từ Tỉnh lộ 316C (hộ ông Tiến Dung) đến Nhà bà Nhung	4.000	13.500	25,00	Đoạn từ Trường THCS Dịch Quả đến Ông Lương xóm Chiềng	600	3.000	123,12
51	Xã Cự Đồng	284,62	Khu Đất giá quyền sử dụng đất khu Đá Bìa Bạng 1: Vị trí đầu giáp tiếp giáp đường huyện	9.000	14.600	50,00	Đường Liên xã Đoạn từ Quốc lộ 70B đến Giáp địa giới hành chính xã Cự Đồng	650	2.500	101,05

52	Xã Vạn Xuân	900,00	Khu đấu giá Đồng Đỉnh, khu 21	15.000	25.000	42,86	Vị trí còn lại	410	600	282,70
53	Xã Tân Sơn	600,00	Đấu giá khu dân cư khu 2A đường 36m	85.000	12.000	41,18	Đoạn từ Cổng cửa Mang đến Giáp địa giới hành chính xã Minh Hoà	350	1.000	88,89
54	Xã Hương Cầm	108,33	Đoạn từ 4000 đến 7000	4.000	7.000	42,86	Đoạn từ Ngã tư Đông Vượng đến Giáp địa giới hành chính xã Tu Vũ	350	500	65,87
55	Xã Yên Sơn	172,73	QL70B Đoạn từ Cầu Trắng đến Hết trụ sở Công ty TNHH chè Yên Sơn	4.200	6.000	16,67	Đoạn từ Nhà ông Hoanh Nụ, xóm Đồi đến Nhà bà Tinh Thanh, xóm Thín	440	1.200	74,71
56	Xã Khả Cửu	600,00	Vị trí đấu giá tiếp giáp đường liên xã Văn Miếu - Khả Cửu nhánh 1	2.300	6.000	53,85	Đoạn từ Ngã ba xóm Vi đến Nhà ông Dân	400	1.200	107,25
57	Xã Hiền Quan	500,00	Đoạn từ cầu vượt Dốc Dát (QL32) đến cầu Ngọc Tháp (đoạn thuộc địa phận xã Hiền Quan)	6.000	12.000	33,33	Đường giao thông trục chính nội xã	600	2.500	197,42
58	Xã Phú Mỹ	400,00	Đoạn từ Hết Nghĩa trang liệt sỹ Lê Mỹ đến Ngã 3 Cầu Vọng	4.800	10.000	66,67	Đoạn từ Ngã 4 đường Âu Cơ đi Khu 1, Khu 2 đến Hết địa phận xã (giáp xã Phú Mỹ cũ)	480	2.000	208,66
59	Xã Thanh Thủy	328,57	Đoạn từ Ngã ba (trạm thuế) đến Nút giao đường nhánh (nối đường tỉnh 317 - 317G)	20.000	27.000	25,00	Đoạn từ Giáp chùa Đông Quang đến Nhà bà Sát khu 4	23.000	7.000	86,09
60	Xã Văn Miếu	185,71	Đoạn từ Bảng 1: Vị trí đấu giá tiếp giáp giáp đường Tỉnh lộ 316C đến	4.500	5.400	42,86	Vị trí còn lại	450	750	57,06

61	Xã Thanh Sơn	1.471,43	Đoạn từ Đường rẽ vào nhà văn hóa khu Phố Vàng đến Hết bến xe Thanh Sơn	18.000	28.000	25,00	Đoạn từ Giáp đất hộ ông Hòa (khu Đồng Cỏ) đến Khu Đa Đa (giáp đất hộ ông Huệ Bích)	460	600	117,78
62	Xã Minh Hòa	400,00	Đường Quốc lộ 70B Đoạn từ Cầu gốc Gạo đến Công khu Thông Nhất 1	5.000	7.500	40,00	Vị trí còn lại	500	7.000	133,48
63	Xã Xuân Viên	300,00	Quốc lộ 70B Đoạn từ đường rẽ khu An Thọ đến Công an xã Xuân Viên	7.000	11.000	50,00	Các vị trí còn lại	450	1.500	109,58
64	Xã Chí Tiên	233,33	Băng 1: Đất 2 bên đường vào Cụm công nghiệp làng nghề phía Nam huyện Thanh Ba	6.300	10.000	22,22	Đoạn từ Giáp QL2D đến Ngã ba đường rẽ Sơn Cương	1.800	2.200	42,96
65	Xã Chí Đám	166,67	Quốc lộ 2 Đoạn từ Cầu Đuan Hùng đến Cây xăng dầu Hương Lan	9.000	15.000	40,00	Vị trí còn lại	500	700	65,54
66	Xã Bằng Luân	100,00	Đoạn từ Giáp địa giới hành chính xã Tây Cốc đến Hết địa giới hành chính xã Bằng Luân	4.200	6.500	25,00	Vị trí còn lại	500	700	57,03

DVT: Đồng/m²